

Bản án số:18/2020/HS-PT

Ngày 07-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh và ông Phùng Lâm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai thực hành quyền công tố tham gia xét xử phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Dung - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2020/TLPT-HS ngày 25/02 /2020 đối với các bị cáo: Nguyễn Bá Q, Vũ Thị T và Trần Văn Đ cùng các bị cáo khác trong vụ án “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”. Vụ án có các bị cáo kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai gồm:

1/ Nguyễn Bá Q - Sinh ngày: 24/10/1982. Tại B, Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn P1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Bá N1 - Sinh năm: 1943; Con bà: Trần Thị S - Sinh năm: 1951, bị cáo có vợ: Lê Thị Th - Sinh năm 1985. Điều trú tại: Thôn P1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án: không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 10/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Văn Đ - Sinh ngày: 14/12/1984. Tại B, Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn P2, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Trần Văn L - Sinh năm: 1954 (đã chết 2004); Con bà: Trần Thị T1 - Sinh năm: 1954. Bị cáo có vợ là: Lò Thị C - Sinh năm 1984. Điều trú tại: Thôn P2, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012.

Bị cáo có nhân thân tốt; Tiền án: Không, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 10/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

3/ Vũ Thị T - Sinh ngày: 08/11/1964. Tại thành phố Y - Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vũ Đình L1 (Đã chết); Con bà: Đặng Thị Ng (Đã chết).

Chồng: Không có. bị cáo có 01 con - Sinh năm: 2006

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính và bị xử phạt tù về hành vi đánh bạc đến ngày phạm tội đều được xóa án tích cụ thể:

Năm 2003 bị Công an huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc theo quyết định xử phạt vi phạm số 113/XLHC ngày 11/11/2003 bằng hình thức phạt tiền 5.000.000đ. đã nộp phạt xong. Năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội "Đánh bạc" theo bản án số 08/2005/HS-ST ngày 10/5/2005. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" và phạt bổ sung 3.000.000đ theo bản án số: 11/2007/HS - ST ngày 24/9/2007. Năm 2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, theo bản án số 63/2014/HSST ngày 26/12/2014. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo Vũ Thị T đã chấp hành xong tất cả các bản án, (được xóa án tích theo quy định của pháp luật).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 10/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có một số bị cáo khác bị cấp sơ thẩm xét xử phạt nhưng cho hưởng án treo về tội “tổ chức đánh bạc” là: Phạm Văn Đ1, Trần Văn Nh và tội

“đánh bạc” gồm: Phạm Văn Đ2, Phạm Thị H, Trần Văn H1, Nguyễn Ngọc L2, Đặng Văn H3, Phạm Văn C1, Phạm Văn Q1 đều không có kháng cáo.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Phạm Thị H4 - Sinh: 1981. Trú tại: Thôn A1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai, không kháng cáo – vắng mặt tại phiên tòa.

- **Những người làm chứng:** Anh Trần Việt C2, chị Lê Thị Th2, chị Mai Thị Kh, anh Ngô Văn Q2, chị Hoàng Thị Th3, anh Trần Văn Đ1 – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 30 phút ngày 01/7/2019 Cảnh sát hình sự công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang một số đối tượng đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, bằng hình thức xóc đĩa tại nhà riêng của Nguyễn Bá Q ở thôn P1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai gồm: Nguyễn Bá Q, Trần Văn Đ, Vũ Thị T, Trần Văn H1, Phạm Văn Đ2, Phạm Thị H, Đặng Văn H3, Nguyễn Ngọc L2, Phạm Văn C1, Phạm Văn Q1. Tại thời điểm bắt quả tang ngoài những đối tượng trên còn có Trần Việt C2, sinh năm 1968 cũng có mặt tại địa điểm đánh bạc.

Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc gồm: Tiền mặt sử dụng vào việc đánh bạc **15.700.000đ**; 01 bát đĩa sứ; 04 quân bài hình tròn đục từ bài tú lơ khơ; 01 chần bằng lông; 01 chiếu nhựa

Vật chứng thu giữ trên người các đối tượng gồm: Của bị cáo Nguyễn Bá Q: 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại Nokia 105 và số tiền 12.960.000đ, trong đó có 1.600.000đ là tiền Q thu phé của các bị cáo đến đánh bạc; 9.960.000đ là số tiền để đánh bạc và thắng bạc; 1.400.000đ là tiền có sẵn từ trước trong người; - Thu giữ của bị cáo Vũ Thị T: 01 điện thoại Iphone XS MAX; Số tiền 31.900.000đ số tiền T sử dụng đánh bạc là 21.900.000đ, còn lại 10.000.000đ không sử dụng vào đánh bạc; Của Trần Văn Đ: 01 điện thoại Sam sung J7, số tiền sử dụng vào đánh bạc là 10.750.000đ.

Của bị cáo Trần Văn H1: 01 điện thoại Iphone, 01 điện thoại Sam sung Galaxy A7; Số tiền để đánh bạc là 10.000.000đ; Của bị cáo Nguyễn Ngọc L2: 01 điện thoại Iphone 6s; Của bị cáo Phạm Văn Đ2: 01 điện thoại Iphone 6S và số tiền còn lại khi bị bắt giữ là 400.000đ; Thu giữ của bị cáo Phạm Văn Q1: 01 điện thoại Oppo và số tiền 75.000đ không sử dụng vào đánh bạc; Của bị cáo Phạm Văn C1: 01 điện thoại Iphone 6s, số tiền 1.300.000đ sử dụng đánh bạc; Của bị cáo Phạm Thị H: 01 điện thoại Iphone 6, số tiền 11.355.000đ, số tiền sử dụng để đánh bạc là 10.300.000đ, còn 1.055.000đ không sử dụng đánh bạc; Của

bị cáo Đặng Văn H3: 53.000.000đ. Trong đó có 13.000.000đ tiền thắng bạc và 1.000.000đ bỏ ra để đánh bạc và 39.000.000đ không sử dụng vào đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo có mục đích dùng đánh bạc là 94. 310. 000đ (trong đó thu giữ dưới chiếu bạc 15.700.000đ và thu giữ trên người 78.610.000 đ)

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ các công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc gồm: Của bị cáo Nguyễn Bá Q 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 bát men sứ; 01 đĩa men sứ; 01 chày nhôm; 01 mẫu gỗ dài 19,5cm, 01 đầu thu camera; 04 mắt camera; 01 củ sạc điện; 01 điều khiển từ xa; 01 điện thoại Nokia; Thu giữ của Phạm Văn Đ1 01 xe mô tô Honda Dream BKS 24B1-317.25 và đăng ký xe; 01 điện thoại Nokia 105 và 7.000.000đ tiền thu lợi bất chính; Thu giữ của bị cáo Trần Văn Nh 01 xe mô tô Yamaha BKS 24V1-039.53; 01 điện thoại Galaxy A7 và 1.800.000đ tiền thu lợi bất chính.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc: Các đối tượng và Nguyễn Bá Q khai nhận đêm ngày 30/6/2019 đã tổ chức đánh bạc tại nhà Q và để theo dõi, đối phó với lực lượng chức năng, Q đã lắp và sử dụng hệ thống camera của gia đình kết nối với điện thoại để quan sát bên ngoài, đồng thời thuê và phân công cho Phạm Văn Đ1 sử dụng xe máy BKS 24B1-317.25 của Đ1 di chuyển trên đoạn đường quanh khu vực nhà Q và phân công cho Trần Văn Nh canh gác ở phía trước cửa nhà Q; với mục đích cùng cảnh giới báo cho Q khi có Công an. Q trả công cho Đ1 và Nh từ 200.000đ đến 300.000đ/người. Đ1 đã nhận tiền công của Q là 3.000.000đ. Q cũng đã trả công cho Nh số tiền là 700.000đ, Nh và Đ1 còn được những người đến đánh bạc tại nhà Q cho thêm tiền sau buổi đánh bạc. Q đã thu tiền của những người đến đánh bạc gồm: của Đ 300.000đ, L2 100.000đ, H1 200.000đ, Đ2 300.000đ, H3 200.000đ, C1 300.000đ, T 200.000đ. Tổng tiền phé Q thu của các bị cáo đến đánh bạc tại nhà là 1.600.000đ.

Đối với hành vi đánh bạc bị cáo Nguyễn Bá Q và đồng phạm khai nhận: Tối ngày 30/6 rạng sáng ngày 01/7/2019, Phạm Văn Đ2 dùng điện thoại Iphone số 0377886999 gọi vào số 0971721568 của Q hỏi có đánh bạc không, Q trả lời có. Sau đó Q đi từ thị trấn Tăng Loong về nhà, đã thấy có Đ2, H3, L2, Đ đang ở nhà Q. Thấy có ít người nên Q đã dùng điện thoại gọi báo cho T và H rủ đến đánh bạc, lúc này do ít người nên ngồi đánh sâm ăn tiền. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 30/6/2019, khi đã có nhiều người đến nhà, Q bảo mọi người chuyển sang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Đ2 đi đục quân vị, Q mang bát, đĩa ra để làm dụng cụ đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc Đ là người xóc đĩa cho các bị cáo tham gia đánh, được quy định bên tay phải người cầm cái là bên chắn, bên tay trái người cầm cái là bên lẻ. Mỗi ván bạc có số tiền đặt cược thấp nhất từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ, cao nhất lên đến 15.000.000đ - 17.000.000đ. Tỷ lệ được thua là bằng

nhau giữa người chơi đặt cược với người cầm cái, nếu thắng thì được số tiền bằng số tiền đã đặt cược, nếu thua thì mất số tiền đã đặt cược. Ngoài thu phé, Q cũng tham gia đánh bạc với mọi người, khi đánh bạc Q có hơn 7.000.000đ.

Bị cáo Trần Văn Đ, khi đến nhà Nguyễn Bá Q chơi do không mang tiền nên Đ đã vay của Phạm Văn Đ2 10.000.000đ để đánh bạc. Khi chuyển sang xóc đĩa mọi người bảo Đ là người cầm cái. Tại thời điểm bị bắt, thu giữ trên người có số tiền 10.700.000đ, trong đó 700.000đ tiền thắng bạc.

Bị cáo Vũ Thị T, khi đến nhà Q tham gia đánh bạc, mang theo 21.900.000đ để đánh bạc, T được Phạm Thị H trả nợ 10.000.000đ. Khi bị bắt thu giữ trên người T là 31.900.000đ, trong đó có 10.000.000đ là tiền do H trả nợ T không dùng để đánh bạc.

Nguyễn Ngọc L2 mang theo 2.700.000đ để đánh bạc thua hết. Trần Văn H1 mang theo 2.000.000đ khi bị bắt thu giữ trên người 10.000.000đ trong đó 8.000.000đ tiền thắng bạc. Phạm Văn Đ2 mang theo 40.000.000đ, Đ2 cho Đ vay 10.000.000đ còn lại 30.000.000đ để đánh bạc, khi bị bắt Đ2 còn lại 400.000đ; Đặng Văn H3 mang theo 40.000.000đ, H3 đã bỏ ra 1.000.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 39.000.000đ H3 khai để trả nợ, khi bị bắt thu giữ là 53.000.000đ, gồm 13.000.000đ tiền thắng bạc. Bị cáo Phạm Văn Q1 khi đến nhà Q mang theo số tiền 475.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt Phạm Văn Q1 còn lại là 75.000đ; Phạm Văn C1 mang theo số tiền 2.000.000đ để đánh bạc, khi bị bắt C1 bị thu giữ số tiền còn lại là 1.300.000đ. Phạm Thị H mang theo số tiền 1.155.000đ trả tiền taxi 100.000đ, H đã vay 22.000.000đ của Lê Thị Thủy là vợ Nguyễn Bá Q để trả nợ cho T 10.000.000đ, còn lại 12.000.000đ sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt H bị thu giữ trên người số tiền 11.355.000đ, tiền để đánh bạc là 10.300.000đ, còn 1.055.000đ không sử dụng để đánh bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 02 /2020/HSST Ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá Q, Trần Văn Đ, Vũ Thị T, Trần Văn H1, Phạm Văn Đ2, Phạm Thị H, Đặng Văn H3, Nguyễn Ngọc L2, Phạm Văn C1, Phạm Văn Q1 phạm tội “Đánh bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Bá Q, Phạm Văn Đ1, Trần Văn Nh phạm tội "Tổ chức đánh bạc" Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vào điểm b, d Khoản 1 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt; buộc bị cáo Nguyễn Bá Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là: 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ.

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321; Điểm s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03 (ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ.

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 (Ba) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ.

Xử phạt các bị cáo gồm: Phạm Văn Đ2 03 (ba) năm tù, Trần Văn H1 03 (ba) năm tù; Phạm Thị H 03 (Ba) năm tù; Nguyễn Ngọc L2 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; Phạm Văn C1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; Phạm Văn Q1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; Đặng Văn H3 02 (Hai) năm tù cho các bị cáo hưởng án treo về tội "đánh bạc". Các bị cáo Phạm Văn Đ1 01 (Một) năm tù; Trần Văn Nh 01 (Một) năm tù về tội "*tổ chức đánh bạc*" cho hưởng án treo. Các bị cáo hưởng án treo đều được ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Bá Q, Trần Văn Đ, Vũ Thị T, Phạm Văn Đ2, Phạm Thị H, Đặng Văn H3 mỗi bị cáo 10.000.000đ tội "đánh bạc".

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2020 bị cáo Nguyễn Bá Q và bị cáo Vũ Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Ngày 21/01/2020 và ngày 30/01/2020 bị cáo Trần Văn Đ kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, có đơn đề nghị khiếu nại hình phạt của cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình như bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa qua xét xử nêu quan điểm giải quyết vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên mức hình phạt với Nguyễn Bá Q do không có căn cứ xét giảm hình phạt. Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng

cáo của các bị cáo Trần Văn Đ và Vũ Thị T do có tình tiết giảm nhẹ mới xuất trình tại phiên tòa; Đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm số:02/2020/HS-ST Ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về hình phạt như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Giữ nguyên mức phạt bị cáo **Nguyễn Bá Q** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “đánh bạc” . Áp dụng Điểm b, d Khoản 1 Điều 322 Điểm s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58. Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q từ 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung cả 02 tội là 05 (năm) năm tù theo quy định của pháp luật. Khi chấp hành án bị cáo được khấu trừ đi 09 ngày tạm giữ trước đó.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321; Điểm s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị giảm và xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội “ Đánh bạc”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 321; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị giảm và xử phạt bị cáo **Vũ Thị T** từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù về tội “ Đánh bạc” khi chấp hành án được khấu trừ đi 09 ngày tạm giữ.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực. Các bị cáo đều có đề nghị Tòa xem xét giảm mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề xuất, xin được hưởng các tình tiết giảm nhẹ mà pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thực hiện đúng, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Tại phiên tòa việc những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng được thực hiện đều đúng và hợp pháp theo đúng quy định.

[2] Về hành vi đánh bạc: Lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Bá Q; Trần Văn Đ và Vũ Thị T tại phiên tòa phúc thẩm đều phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai các bị cáo khác, biên bản phạm tội quả tang và các vật

chứng thu giữ có trong hồ sơ và tại phiên tòa. Do vậy có đủ cơ sở xác định các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc nhằm sát phạt nhau bằng tiền; Nhưng vào lúc 01 giờ 30 phút ngày 01/7/2019 các bị cáo có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, bằng hình thức xóc đĩa tại nhà riêng của Q ở thôn P1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai gồm: Nguyễn Bá Q, Trần Văn Đ, Vũ Thị T, Trần Văn H1, Phạm Văn Đ2, Phạm Thị H, Đặng Văn H3, Nguyễn Ngọc L2, Phạm Văn C1, Phạm Văn Q1. Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc là 15.700.000đ; thu trên người của các bị cáo dùng đánh bạc là 78. 610 000đ và 01 bát đĩa sứ; 04 quân bài; 01 chăn băng lông; 01 chiếu dùng để đánh bạc là có căn cứ để truy tố và xét xử theo quy định.

Hành vi tội “Tổ chức đánh bạc” Nguyễn Bá Q thừa nhận đã sử dụng hệ thống camera của gia đình kết nối với điện thoại để quan sát bên ngoài, đồng thời thuê và phân công cho Phạm Văn Đ1 sử dụng xe máy BKS 24B1-317.25 di chuyển trên đoạn đường quanh khu vực nhà Q, phân công cho Trần Văn Nh canh gác ở phía trước cửa nhà Q với mục đích cảnh giới báo cho Q khi có Công an. Q đã trả tiền công cho Đ1 là 3.000.000đ, trả cho Nh là 700.000đ. Cùng đêm ngày 30/6/2019 Q đã trực tiếp thu tiền phé của những người đến đánh bạc tại nhà được 1.600.000đ. Vì vậy, bản án số: 02 /2020/HS-ST Ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã xét xử 10 bị cáo về tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung *tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000đ trở lên* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và xét xử Q cùng bị cáo Đ1 và Nh về tội “*tổ chức đánh bạc theo điểm b, d Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.*

[3] *Xét kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và xin hưởng án treo của bị cáo Trần Văn Đ;*

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Bá Q: Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay Q thành khẩn khai nhận hai hành vi phạm tội, tại nhà Q đêm ngày 30/6/2019 đã tổ chức cho 10 người, cả Q tham gia đánh bạc. Trong các đồng phạm Q là người có vai trò chính và là người khởi xướng trong tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc. Q đã sử dụng hệ thống camera của gia đình kết nối với điện thoại di động theo dõi, phân công cho Đ1 và Nh canh gác, cảnh giới ở bên ngoài để đối phó với lực lượng chức năng khi bị phát hiện, đã trả tiền công cho người canh giới và thu được **1.600.000đ** tiền phé. Như vậy cùng thời điểm Q đã phạm hai tội là “tổ chức đánh bạc và “đánh bạc” trong đó tội đánh bạc là thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 thành khẩn khai báo và 02 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó; Có mẹ đẻ là bà Trần Thị S được Bộ giáo dục và đào tạo tặng thưởng huy chương vì sự nghiệp giáo dục, bản thân Q được Ủy ban nhân dân xã N huyện B, tỉnh Lào Cai tặng giấy khen trong phong trào "Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững". Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Với tính chất, mức độ hành vi tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ và xử phạt bị cáo 05 năm tù (trong đó 01 năm 06 tháng tù tội "tổ chức đánh bạc"; 03 năm 06 tháng tù tội "Đánh Bạc") là phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm Q không có tình tiết chứng cứ giảm nhẹ nào khác để Hội đồng xét xử làm căn cứ xem xét việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định của pháp luật nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3.2] Đối với Vũ Thị T: Thừa nhận hành vi phạm tội đánh bạc tại nhà Nguyễn Bá Q vào đêm ngày 30/6/2019. Khi nhận được cuộc gọi điện thoại gợi ý rủ đến đánh bạc từ Q, T đến tham gia đánh bạc mang theo số tiền 21. 900 000đ mục đích để đánh bạc. Trong vụ án này T tham gia với vai trò đồng phạm là người thực hành.

Về nhân thân: T có nhân thân xấu bởi trước thời điểm phạm tội T đã có 01 tiền sự và 03 tiền án về tội đánh bạc cụ thể: Năm 2003 bị công an huyện V xử phạt 5.000.000đ; Năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo; Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt 06 tháng tù và Phạt bổ sung 3.000.000đ; Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo đều về tội "Đánh bạc". Tuy đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đều đã được xóa án tích theo quy định. Xong bị cáo vẫn chưa lấy đó làm bài học, thể hiện sự kém tu dưỡng rèn luyện bản thân lên tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội "Đánh bạc". Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là; "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện và tố giác tội phạm" và anh trai là Vũ Ngọc X1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Với tính chất, mức độ hành vi tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên; Bản án sơ thẩm đã áp dụng và xử phạt bị cáo 03 năm tù và phạt 10.000.000đ là phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo thể hiện có sự ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan chức năng lập công chuộc tội. Tại phiên tòa phúc

thẩm bị cáo xuất trình tình tiết chứng cứ mới là: Xác nhận tin báo tố giác tội phạm của Công an huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; Ngày 01/4/2020 Vũ Thị T tố giác hành vi của 02 đối tượng bóc lột vô quẻ xảy ra tại xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên sau xét xử sơ thẩm; 01 xác nhận về hoàn cảnh, gia cảnh đang là lao động chính duy nhất có thu nhập nuôi con dưới 16 tuổi đang sống phụ thuộc về kinh tế và người nuôi dưỡng. Do vậy cũng cần xem xét giảm một phần hình phạt chính cho bị cáo. Tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về nuôi dạy con cái, giảm bớt khó khăn cho gia đình, thể hiện chính sách trừng trị có sự khoan hồng của pháp luật

[3.3] Đối với Trần Văn Đ: Thừa nhận hành vi phạm tội đánh bạc cùng các đồng phạm khác tại nhà Q đêm ngày 30/6/2019. Lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo là phù hợp với các lời khai của các bị cáo khác trong hồ sơ và đánh giá của cấp sơ thẩm nêu trong bản án, cũng như phiên tòa phúc thẩm. Trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm người thực hành trong tội đánh bạc. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cho rằng chỉ do Đ làm cái lên xác định vai trò chính là chưa phù hợp bởi; vụ án Q và Đ2 là người khởi sự, Đ2 là cán bộ giáo viên hiểu biết cho Đ mượn tiền, cùng Q chủ động rủ rê và tích cực chuẩn bị dụng cụ (đục quân bài) làm công cụ đánh bạc, tham gia số tiền lớn hơn để đánh bạc, Đ là người thực hành, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xử áp dụng mức án cao hơn một số bị cáo khác là chưa phù hợp với sự đánh giá vai trò từng đồng phạm trong vụ án.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự " Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và " Người phạm tội đã lập công chuộc tội" và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (được chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy Ban xã N tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào " Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững" và được Ủy ban nhân dân xã N chứng nhận hộ gia đình sản xuất kinh doanh giỏi, có thành tích và sự đóng góp cho Thôn, Xã. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm chứng cứ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do bị cáo chưa biết đề xuất trình ở cấp sơ thẩm là "huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì" kèm giấy xác nhận của chính quyền địa phương về bác ruột là ông Trần Văn C3 sinh năm 1939, người nuôi dưỡng có công với nhà nước nay đã và đang sống phụ thuộc bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, cư trú rõ ràng, có nơi ở làm việc ổn định, là lao động chính trong gia đình có nhiều người sống phụ thuộc, có thái độ ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội. Do vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và

không cần cách ly, để có điều kiện được cải tạo, giáo dục tại địa phương. Xét thấy việc không bắt bị cáo thi hành hình phạt tù và cho hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm, không ảnh hưởng xấu đến công tác an ninh, trật tự tại địa phương và phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò đồng phạm trong vụ án theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Đồng thời xét điều kiện kinh tế gia cảnh, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo, có sự khoan hồng của pháp luật là phù hợp.

Từ những lý lẽ phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị của bị cáo Trần Văn Đ cũng như ý kiến đề nghị của đại diện VKSND tại phiên tòa về giảm hình phạt cho hai bị cáo và cho Đ được hưởng án treo là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T và Trần Văn Đ được chấp nhận nên bị cáo Đ và T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Bá Q không có căn cứ để chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án khác do không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a, c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Bá Q, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù và phạt 10.000.000đ (*mười triệu*) đồng về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vào điểm b, d Khoản 1 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt; Buộc bị cáo Nguyễn Bá Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là: 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khi chấp hành án được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 01/7/2019 đến ngày 10/7/2019).

2. Chấp nhận kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo Trần Văn Đ và xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Thị T; Sửa một phần của bản án sơ thẩm số: 02 /2020/HSST Ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt như sau:

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2, khoản 3 Điều 321; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù và phạt 10.000.000đ (Mười triệu) đồng về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khi chấp hành án được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ. (từ ngày 01/7/2019 đến ngày 10/7/2019).

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 321; Điểm s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo Đ. Giao bị cáo Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Bá Q chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, cộng tiền án phí phải thi hành là 400.000đ (bốn trăm ngàn) đồng; Bị cáo Trần Văn Đ, Vũ Thị T do kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án, phần án phí, người liên quan không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai 01;
- Sở tư pháp 01;
- TAND huyện B 02;
- VKSND huyện B 01;
- CQCSĐT huyện B 01;
- CQTHA HS huyện B 01;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo 3; Người CQLNVLQ 01;
- Lưu hồ sơ – AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài